



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 01% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
(tại thời điểm 31/12/2025)

| STT       | Họ và tên cổ đông                | Cổ đông                                      |                                     | Người có liên quan của cổ đông                       |                                                     |
|-----------|----------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|           |                                  | Số lượng cổ phần của cổ đông tại ABBANK (CP) | Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ABBANK (%) | Số lượng cổ phần của người liên quan tại ABBANK (CP) | Tỷ lệ sở hữu cổ phần người liên quan tại ABBANK (%) |
| <b>I</b>  | <b>Cổ đông cá nhân</b>           |                                              |                                     |                                                      |                                                     |
| 1         | Vũ Thị Hải Yến                   | 43.793.692                                   | 4,231                               | 148                                                  | 0                                                   |
| 2         | Kiều Thị Liễu                    | 36.617.662                                   | 3,538                               | -                                                    | 0                                                   |
| 3         | Vũ Thị Minh Phương               | 28.912.640                                   | 2,793                               | 1.733.248                                            | 0,167                                               |
| 4         | Tô Tuấn Anh                      | 25.827.882                                   | 2,495                               | -                                                    | 0                                                   |
| 5         | Tạ Thị Hồng Hà                   | 23.560.639                                   | 2,276                               | -                                                    | 0                                                   |
| 6         | Phạm Thanh Tuấn                  | 22.800.000                                   | 2,203                               | 3.120                                                | 0                                                   |
| 7         | Phạm Thị Hương Ly                | 22.642.416                                   | 2,188                               | 148                                                  | 0                                                   |
| 8         | Vũ Văn Hậu                       | 20.268.001                                   | 1,958                               | 159.623.495                                          | 15,422                                              |
| 9         | Vũ Thị Huyền Trang               | 18.650.000                                   | 1,802                               | -                                                    | 0                                                   |
| 10        | Đào Thị Cẩm                      | 17.600.000                                   | 1,700                               | 10.009.488                                           | 0,967                                               |
| 11        | Đỗ Hoàng Hà                      | 16.947.569                                   | 1,637                               | -                                                    | 0                                                   |
| 12        | Vũ Thị Minh Trang                | 14.958.044                                   | 1,445                               | 5.955.962                                            | 0,575                                               |
| 13        | Phạm Quốc Hiệp                   | 14.853.935                                   | 1,435                               | -                                                    | 0                                                   |
| 14        | Đỗ Thị Hải Yến                   | 14.327.293                                   | 1,384                               | 10.352.083                                           | 1                                                   |
| 15        | Trần Quốc Huy                    | 10.933.254                                   | 1,056                               | -                                                    | 0                                                   |
| 16        | Đỗ Ngọc Tú                       | 10.352.083                                   | 1,000                               | 14.327.293                                           | 1,384                                               |
| <b>II</b> | <b>Cổ đông tổ chức</b>           |                                              |                                     |                                                      |                                                     |
| 1         | Malayan Banking Berhad (Maybank) | 169.683.552                                  | 16,394                              | -                                                    | 0                                                   |
| 2         | Tập đoàn Geleximco - Công ty CP  | 132.264.340                                  | 12,779                              | 47.998.767                                           | 4,637                                               |
| 3         | Công ty Cổ Phần Glexhomes        | 45.813.456                                   | 4,426                               | 275.155                                              | 0,027                                               |